**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP**

**NHỮNG NGUYÊN LÝ CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN P2**

**CÂU HỎI**

[**Câu 1:** **Phân tích điều kiện ra đời và thuộc tính của hàng hóa sức lao động, Liên hệ thị trường lao động của Việt Nam hiện nay.** 2](#_Toc76676079)

[**Câu 2. Lượng giá trị hàng hoá được xác định như thế nào? Những nhân tố nào có tác động và làm thay đổi lượng giá trị của hàng hoá?** 4](#_Toc76676080)

[**Câu 3. Trình bày những điểm mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại? Những điểm mới đó có làm thay đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản không? Vì sao?** 6](#_Toc76676081)

[**Câu 4. Phân tích nội dung, yêu cầu và tác động của quy luật giá trị trong nền kinh tế hàng hóa? Việc nghiên cứu quy luật này có ý nghĩa thế nào với điều kiện nước ta hiện nay?** 9](#_Toc76676082)

[**Câu 5 . Vì sao dưới CNXH tôn giáo vẫn còn tồn tại? Làm thế nào để phát huy mặt tích cực của tôn giáo trong quá trình xây dựng phát triển đất nước?** 11](#_Toc76676083)

[**Câu 6. Nêu vị trí và vai trò của gia đình trong xã hội? Theo anh/chị: làm thế nào để xây dựng gia đình văn hóa mới hiện nay?** 13](#_Toc76676084)

[**Bài 1: Tư bản ứng trước để kinh doanh là 3,5 triệu USD, trong đó tư bản cố định là 2,5 triệu USD, tư bản khả biến là 200.000 USD. Tư bản cố định hao mòn trung bình trong 12,5 năm. Nguyên, vật liệu 2 tháng mua 1 lần. Tư bản khả biến quay 1 năm 10 vòng. Hãy xác định tốc độ chu chuyển trung bình của toàn bộ tư bản?** 15](#_Toc76676085)

[**Bài 2: Trong quá trình sản xuất sản phẩm, hao mòn thiết bị máy móc là 100.000 USD, chi phí nguyên, nhiên vật liệu là 300.000USD. Hãy xác định chi phí tư bản khả biến nếu biết rằng giá trị sản phẩm là 1.000.000 USD và trình độ bóc lột là 200%?** 16](#_Toc76676086)

[**Bài 3: Một nhà tư bản đầu tư dệt vải như sau:** 16](#_Toc76676087)

[**Bài 4: Toàn bộ tư bản ứng trước là 6.000.000 USD, trong đó giá trị nguyên vật liệu là 1.200.000 USD, nhiên liệu điện là 200.000 USD, tiền lương trả cho công nhân là 600.000 USD. Giá trị máy móc và thiết bị sản suất gấp 3 lần giá trị nhà xưởng và công trình. Thời gian hao mòn hoàn toàn của chúng là 10 năm và 25 năm. Hãy tính tổng số tiền khấu hao sau 8 năm.** 17](#_Toc76676088)

[**Bài 5: Tư bản đầu tư 900. 000 đô la, trong đó bỏ vào tư liệu sản xuất là 780.000 USD. Số công nhân làm thuê là 400 người. Hãy xác định khối lượng giá trị mới do 1 công nhân tạo ra, biết rằng tỷ suất giá trị thặng dư là 200%.** 18](#_Toc76676089)

[**Bài 6: Tư bản ứng trước 500.000 USD, trong đó bỏ vào nhà xưởng 200.000 USD; máy móc, thiết bị 100.000 USD. Nguyên liệu, nhiên liệu, và vật liệu phụ gấp 3 lần tiền thuê lao động. Hãy xác định lượng tư bản cố định, tư bản lưu động, tư bản bất biến và tư bản khả biến?** 18](#_Toc76676090)

# **Câu 1:** **Phân tích điều kiện ra đời và thuộc tính của hàng hóa sức lao động, Liên hệ thị trường lao động của Việt Nam hiện nay.**

* Khái niệm sức lao động:

Sức lao động là toàn bộ thể lực và trí lực của con người được đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất một giá trị sử dụng nào đó.

Như vậy, sức lao động là vốn có của con người, là yêu tố cơ bản của mọi quá trình sản xuất nhưng không phải sức lao động nào cũng là hàng hóa, nó chỉ trở thành hàng hóa khi có đủ các điều kiện.

* Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa:

Sức lao động chỉ có thể trở thành hàng hóa trong những điều kiện lịch sử nhất định sau đây:

+ Thứ nhất, người lao động được tự do về thân thể, làm chủ được sức lao động của mình và có quyền bán sức lao động của mình như một hàng hóa.

+ Thứ hai, người lao động phải bị tước đoạt hết tư liệu sản xuất, để tồn tại bắt buộc họ phải bán sức lao động, tức là đi làm thuê cho nhà tư bản.

* Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động: Giống như mọi hàng hóa khác, hàng hóa sức lao động cũng có hai thuộc tính: giá trị và giá trị sử dụng
* Giá trị của hàng hóa sức lao động: là thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động đó.

Có 3 cơ sở chính để xác định giá trị của hàng hóa sức lao động:

1. Toàn bộ tư liệu sinh hoạt để nuôi sống bản thân và gia đình.
2. Chi phí đào tạo nuôi dưỡng người lao động.
3. Mức sống theo vùng miền và từng quốc gia, từng thời điểm.

* Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động: là sự thỏa mãn nhu cần của người mua nó, tức là để người mua tiêu dùng vào quá trình lao động để sản xuất ra một hàng hóa nào đó. Trong quá trình sử dụng, hàng hóa sức lao động được xem là một loại hàng hóa đặc biệt, nó là nguồn gốc sinh ra giá trị, tứ là nó có thể tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó kết tinh và trong sản phẩm hàng hóa.

**Thực trạng thị trường sức lao động (thị trường lao động) ở Việt Nam hiện nay**

**Tình hình thị trường lao động ở Việt Nam**

Từ năm 1986 Đảng và Nhà nước ta đã chính thức công nhận sức lao động là một loại hàng hoá, cho nên việc xây dựng thị trường sức lao động là tất yếu. Đảng ta cũng nhấn mạnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là vấn đề cốt lõi, trọng tâm của Đảng và hàng hóa sức lao động là điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế công nghiệp, kinh tế thị trường.

**Thực trạng cung lao động**

Cung lao động là tổng nguồn sức lao động do con người đem vào thị trường sản xuất. Nguồn cung lao động được xét dưới hai góc độ là số lượng và chất lượng.

**Về số lượng**: Việt Nam có một nguồn lao động trẻ và dồi dào. Lực lượng lao động này trở thành sức ép lớn cho bài toán giải quyết việc làm cho người dân.

**Về chất lượng:** Trình độ lao động đã qua đào tạo chiếm tỷ lệ thấp, không đáp ứng được yêu cầu của các khu công nghiệp, khu chế xuất. Ngoài ra, ý thức kỷ luật của người lao động không cao do xuất thân từ nền nông nghiệp nên còn mang nặng tác phong sản xuất của một nhà nước tiểu nông.

**Thực trạng cầu lao động**

Cầu lao động là như cầu về sức lao động của một quốc gia, một địa phương, một ngành nghề trong khoảng thời gian xác định. Nhu cầu này thể hiện qua khả năng thuê mướn lao động trên thị trường lao động.

Vấn nạn thất nghiệp và thiếu việc làm luôn là một sức ép lớn đối với một quốc gia, đòi hỏi có sự tham gia của nhiều ban ngành, cơ qua cùng với các chính sách của Chính phủ

Mức lương của người lao động chưa phản ánh đúng giá trị của sức lao động, chưa phản ánh mối quan hệ cung-cầu trên thị trường. Tốc độ tăng tiền lương nhỏ hơn tốc độ tăng của lạm phát, mức lương tối thiểu còn thấp vì vậy người lao động không thể đáp ứng những điều kiện sinh hoạt cần thiết để tái sản xuất sức lao động.

# **Câu 2. Lượng giá trị hàng hoá được xác định như thế nào? Những nhân tố nào có tác động và làm thay đổi lượng giá trị của hàng hoá?**

Trả lời:

1. *Lượng giá trị của hàng hoá*

Giá trị của hàng hoá là do lao động xã hội, lao động trừu tượng của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá.

Lượng giá trị của hàng hoá được đo bằng lượng lao động tiêu hao để sản xuất ra hàng hoá đó. Trên thực tế có nhiều người cùng sản xuất một loại hàng hoá, nhưng điều kiện sản xuất, trình độ tay nghề, năng suất lao động khác nhau, do đó thời gian lao động để sản xuất ra hàng hoá không giống nhau, tức hao phí lao động cá biệt khác nhau. Vì vậy, lượng giá trị hàng hoá không phải tính bằng thời gian lao động cá biệt, mà tính bằng thời gian lao động xã hội cần thiết.

Thời gian lao động xã hội cần thiết là thời gian lao động cần để sản xuất ra một hàng hoá nào đó trong những điều kiện sản xuất bình thường của xã hội với trình độ trang thiết bị trung bình, với trình độ thành thạo trung bình và cường độ lao động trung bình trong xã hội đó.

Trình độ thành thạo trung bình, cường độ trung bình, điều kiện bình thường của xã hội đối với mỗi nước, mỗi ngành là khác nhau và thay đổi theo sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Thông thường, thời gian lao động xó hội cần thiết gần sát với thời gian lao động cá biệt (mức hao phí lao động cá biệt) của người sản xuất hàng hoá nào cung cấp đại bộ phận hàng hoá đó trên thị trường. Thời gian lao động xã hội cần thiết là một đại lượng không cố định, do đó lượng giá trị hàng hoá cũng không cố định. Khi thời gian lao động xó hội cần thiết thay đổi thời lượng giá trị của hàng hoá cũng thay đổi.

Như vậy, chỉ có lượng lao động xã hội cần thiết, hay thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hoá, mới là cái quy định đại lượng giá trị của hàng hoá ấy.

*2.Các yếu tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hoá*

Do thời gian lao động xã hội cần thiết luôn thay đổi, nên lượng giá trị của hàng hoá cũng là một đại lượng không cố định. Sự thay đổi này tuỳ thuộc vào năng suất lao động và mức độ phức tạp hay đơn giản của lao động.

Năng suất lao động là sức sản xuất của lao động được đo bằng lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian hoặc lượng thời gian lao động hao phí để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm. Năng suất lao động tăng lên có nghĩa là cũng trong thời gian lao động, nhưng khối lượng hàng hoá sản xuất ra tăng lên làm cho thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra một đơn vị hàng hoá giảm xuống. Do đó, khi năng suất lao động tăng lên thì giá trị của hàng hoá tỷ lệ nghịch với năng suất lao động.

Năng suất lao động lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố như trình độ khéo léo (sự thành thạo) trung bình của người công nhân; mức độ phát triển của khoa học, công nghệ và mức độ ứng dụng những thành tựu đó vào sản xuất; trình độ tổ chức quản lý, quy mô và hiệu xuất của tư liệu sản xuất và các điều kiện tự nhiên. Muốn tăng năng suất lao động phải hoàn thiện các yếu tố trên.

Tăng năng suất lao động và tăng cường độ lao động có tác động khác nhau đối với lượng giá trị hàng hoá. Cường độ lao động là mức độ khẩn trương, nặng nhọc của lao động trong cùng một thời gian lao động nhất định và được đo bằng sự tiêu hao năng lực của lao động trên một đơn vị thời gian và thường được tính bằng số calo hao phí trong một thời gian nhất định. Cường độ lao động tăng lên tức là mức hao phí cơ bắp, thần kinh trên một đơn vị thời gian tăng lên, mức độ khẩn trương, nặng nhọc hay căng thẳng của lao động tăng lên. Nếu cường độ lao động tăng lên thì số lượng (hoặc khối lượng) hàng hoá sản xuất ra tăng lên và sức hao phí lao động cũng tăng lên tương ứng cũng lượng giá trị của một đơn vị hàng hoá vẫn không đổi. Tăng cường độ lao động thực chất cũng như kéo dài thời gian lao động.

Tăng năng suất lao động và tăng cường độ lao động giống nhau ở chỗ chúng đều dẫn đến lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian tăng lên. Nhưng chúng cũng khác nhau ở chỗ tăng năng suất lao động làm cho lượng sản phẩm (hàng hoá) sản xuất ra trong một đơn vị thời gian tăng lên, nhưng làm cho lượng giá trị của một đơn vị hàng hoá giảm xuống. Hơn nữa, tăng năng suất lao động có thể phụ thuộc nhiều vào máy móc, kỹ thuật, do đó nó gần như một yếu tố có “sức sản xuất” vô hạn; cũng tăng cường độ lao động tuy có làm cho lượng sản phẩm sản xuất ra tăng lên, nhưng không làm thay đổi giá trị của một đơn vị hàng hoá. Hơn nữa, tăng cường độ lao động phụ thuộc vào thể chất và tinh thần của người lao động, do đó nó là yếu tố của “sức sản xuất” có giới hạn. Chính vì vậy, tăng năng suất lao động có ý nghĩa tích cực hơn đối với sự phát triển kinh tế.

Tính chất của lao động. Lao động giản đơn và lao động phức tạp

Lao động giản đơn là lao động mà một người lao động bình thường không cần phải qua đào tạo cũng có thể thực hiện được. Lao động phức tạp là lao động đòi hỏi phải được đào tạo, huấn luyện mới có thể tiến hành được.

Trong cùng một thời gian, lao động phức tạp tạo ra nhiều giá trị hơn lao động giản đơn. Tuy nhiên để tiến hành trao đổi hàng hoá, mọi lao động phức tạp đều được quy thành lao động giản đơn trung bình trên cơ sở lao động phức tạp bằng bội số của lao động giản đơn.

# **Câu 3. Trình bày những điểm mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại? Những điểm mới đó có làm thay đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản không? Vì sao?**

Trả lời:

1. **Những điểm mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại**
2. *Sự phát triển nhảy vọt về lực lượng sản xuất*

* *Thứ nhất*: cách mạng công nghệ thông tin và công nghệ cao phát triển mạnh mẽ.
* *Thứ hai*: giáo dục được tăng cường và tổ chức của người lao động được nâng cao rõ rệt.
* *Thứ ba*: kinh tế tăng trưởng nhanh, năng suất lao động được nâng cao hơn.

1. *Nền kinh tế đang có xu hướng chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức.*

Trong kinh tế tri thức, vai trò của tri thức và kỹ thuật đã cao hơn các yếu tố như nguồn tự nhiên và vốn, trở thành yếu tố sản xuất quan trọng nhất. vận hành của kinh tế tri thức chủ yếu không còn do con người lao động cơ bắp thao tác máy móc, mà chủ yếu do những người lao động trí óc trong ngành thiết kế, nghiên cứu phát triển cũng như truyền bá tri thức thúc đẩy. đối tượng sản xuất và tiêu thụ của kinh tế công nghiệp là kết tinh “nguồn tài nguyên”, còn đối tượng sản xuất và tiêu thụ kinh tế tri thức là “kết tinh tri thức”, hàm lượng tri thức tăng lên trong sản phẩm và dịch vụ.

1. *Sự điều chỉnh về quan hệ sản xuất và quan hệ giai cấp*

*Thứ nhất:* quan hệ sở hữu cũng có thay đổi, biểu hiện nổi bật là quyền nắm cổ phiếu tăng lên.

*Thứ hai*, kết cấu giai cấp cũng có những biến đổi lớn, các giai cấp, các tầng lớp, đoàn thể xã hội và tập đoàn cùng tồn tại và hợp tác lẫn nhau.

*Thứ ba*, cùng với sự tăng trưởng của sản xuất và sự điều chỉnh về quan hệ sản xuất, thu nhập của người lao động cũng có được mức tăng trưởng khá lớn.

1. *Thể chế quản lý kinh doanh trong nội bộ doanh nghiệp có những biến đổi lớn.*

*Thứ nhất*, doanh nghiệp cải cách cơ chế quản lý, thiết lập cơ cấu tổ chức hàng ngang và mạng lưới.

*Thứ hai*, dùng công nghệ cao cải cách cơ chế quản lý sản xuất.

*Thứ ba*, thực hiện cải cách quản lý lao động, lấy con người làm gốc, yêu cầu đối với công nhân chủ yếu không phải là điều kiện thể lực mà là kĩ năng và tri thức cao hơn để họ phát huy tính chủ động và sáng tạo, từ đó nâng cao sản xuất lao động và tăng cường thế cạnh tranh doanh nghiệp.

*Thứ tư*, thay đổi hình thức tổ chức doanh nghiệp.

1. *Điều tiết vĩ mô của nhà nước ngày càng được tăng cường*

* *Thứ nhất*, kịp thời điều chỉnh chiến lược tổng thể phát triển kinh tế, nhằm nâng cao sức cạnh tranh tổng thể quốc gia.
* *Thứ hai*, lựa chọn chính sách thực dụng.
* *Thứ ba*, căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế khác nhau của từng thời kì, vận dụng linh hoạt chính sách tài chính và chính sách tiền tệ, kịp thời điều chỉnh mâu thuẫn giữa các tầng lớp xã hội.

1. *Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng quan trọng trong hệ thống TBCN, là lực lượng chủ yếu thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế.*

* Các công ty xuyên quốc gia đã thúc đẩy toàn cầu hóa sản xuất và thúc đẩy buôn bán quốc tế phát triển nhanh.
* Truyền bá khoa học kĩ thuật và kinh nghiệm quản lý trên toàn cầu.
* Chiếm đoạt thị trường toàn cầu, xuất khẩu vốn và hàng hóa trên quy mô lớn, thu về nhiều ngoại tệ, phát triển thực lực trong nước, tăng cường kiểm soát các tư bản độc quyền trên phạm vi toàn cầu.
* Tạo cơ hội và những thách thức to lớn cho các nước đang phát triển.
* Ảnh hưởng lớn đến tài chính, tiền tệ. các công ty xuyên quốc gia thao túng nguồn vốn tín dụng quốc tế khổng lồ, hình thành thị trường tiền tệ lớn, trở thành các nhà kinh doanh tiền tệ lớn nhất và lực lượng chủ yếu thúc đẩy lưu thông vốn trên thị trường thế giới, ảnh hưởng trực tiếp đến việc ổn định thị trường tiền tệ và cân bằng cán cân thanh toán quốc tế.

1. *Điều tiết và phân phối quốc tế được tăng cường*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, nhà nước của các quốc gia tư bản chủ nghĩa ngày cang chú trọng phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô. Những năm gần đây, phối hợp và hợp tác quốc tế được tăng cường rõ rệt, hiệu quả cũng không ngừng được tăng cao. Tăng cường điều tiết và phối hợp quốc tế có vai trò không thể xem như trong việc xoa dịu mâu thuẫn bên trong và bên ngoài các nước tư bản chủ nghĩa, tạo không gian phát triển rộng lớn hơn cho các nước TBCN.

1. Những điểm mới đó không làm thay đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản

* Chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn là một chế độ áp bức bóc lột, chế độ bất bình đẳng, số người thất nghiệp tăng lên là một căn bệnh nan giải, tệ nạn xã hội là một vấn đề thách thức, và tiếp tục chạy đua vũ trang dưới những hình thức mới.
* Mâu thuẫn giữa các nước tư bản và các nước đang phát triển
* Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa TB và chủ nghĩa xã hội

# **Câu 4. Phân tích nội dung, yêu cầu và tác động của quy luật giá trị trong nền kinh tế hàng hóa? Việc nghiên cứu quy luật này có ý nghĩa thế nào với điều kiện nước ta hiện nay?**

**Trả lời:**

*1. Nội dung, yêu cầu và tác động của quy luật giá trị:*

Quy luật giá trị là quy luật kinh tế quan trọng nhất của sản xuất và lưu thông hàng hóa. Sự ra đời và hoạt động của quy luật giá trị gắn liền với sản xuất và lưu thông hàng hóa. Ở đâu có sản xuất và lưu thông hàng hóa thì ở đó có quy luật giá trị hoạt động.

Trong sản xuất hàng hóa có hiện tượng nếu một loại hàng hóa nào đó trên thị trường khan hiếm, giá cả lên cao, thì sẽ có nhiều nhà sản xuất đổ dồn vào sản xuất mặt hàng này. Trong lưu thông có hiện tượng là hàng hóa bao giờ cũng di chuyển từ nơi có giá cả thấp đến nơi có giá cả cao. Đây chính là cơ chế hoạt động của quy luật giá trị.

Theo yêu cầu của quy luật giá trị, sản xuất và trao đổi hàng hóa phải được tiến hành trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết. Tức là trên cơ sở giá trị của nó. Cụ thể:

- Yêu cầu với sản xuất

Quyết định hao phí lao động cá biệt phù hợp với LĐXH cần thiết.

Mức chi phí mà xã hội chấp nhận được trong lưu thông.

- Yêu cầu về lưu thông

Trong trao đổi hàng hóa phải dựa trên nguyên tắc ngang giá, tức là giá cả phụ thuộc vào giá trị. Giá cả xoay quanh trục giá trị của hàng hóa.

* 1. *Tác động của quy luật giá trị trong kinh tế hàng hóa:*
* *Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.*

Điều tiết sản xuất tức là điều hòa, phân bổ các yếu tố sản xuất giữa các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế. Hoạt động này của quy luật giá trị được biểu hiện thông qua sự biến động của giá cả hàng hóa trên thị trường . Nếu ở ngành nào cung nhỏ hơn cầu, giá cả hàng hóa sẽ lên cao hơn giá trị, hàng hóa bán chạy, lãi cao, thì người sản xuất sẽ đổ xô vào ngành ấy. Do đó, tư liệu sản xuất và sức lao động chuyển dịch vào ngành ấy tăng lên. Ngược lại, khi cung ở ngành đó vượt cầu, giá cả hàng hóa giảm xuống, hàng hóa bán không chạy, có thể lỗ vốn. Lúc ấy buộc người sản xuất phải thu hẹp quy mô sản xuất lại hoặc chuyển sang đầu tư vào ngành có giá cả hàng hóa cao.Tác động này của quy luật giá trị làm cho lưu thông hàng hóa được thông suốt.

- Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động,thúc đẩy lực lượng sản xuất xã hội phát triển.

Các hàng hóa sản xuất trong những điều kiện khác nhau. Nhưng trên thị trường đòi hỏi người sản xuất phải tuân theo giá trị thị trường. Do vậy, mọi người phải tìm mọi cách để làm cho giá trị cá biệt của mình nhỏ hơn giá trị xã hội thì mới thu được lợi nhuận.

- Thực hiện sự lựa chọn tự nhiên và phân hóa những người sản xuất .

Quá trình cạnh tranh theo đuổi giá trị tất yếu dẫn đến kết quả là: người nào có giá trị cá biệt thấp hơn giá trị xã hội sẽ phát tài, trở nên giàu có, người nào có giá trị cá biệt cao hơn giá trị xã hội sẽ ở vào thế bất lợi, làm ăn thua lỗ và phá sản.

1. *Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này đối với việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta hiện nay*

Khuyến khích các thành phần kinh tế tự do sản xuất kinh doanh, trao đổi trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm, từ đó tạo ra sự cạnh tranh bình đẳng để thúc đẩy đổi mới kỹ thuật, công nghệ.

Sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực để tạo ra nhiều hàng hóa với chất lượng cao, giá thành hạ đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng.

Phải có sự điều tiết của Nhà nước bằng những công cụ, chính sách, pháp luật để hạn chế những tác động tiêu cực, tự phát của quy luật giá trị như: phân hóa giàu nghèo, bất công xã hội, cạnh tranh không lành mạnh… nhằm định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta.

# **Câu 5 . Vì sao dưới CNXH tôn giáo vẫn còn tồn tại? Làm thế nào để phát huy mặt tích cực của tôn giáo trong quá trình xây dựng phát triển đất nước?**

**Trả lời:**

1. *Vì sao dưới chủ nghĩa xã hội tôn giáo vẫn tồn tại?*

Trong tiến trình xây dựng CNXH, tôn giáo vẫn còn tồn tại bởi các nguyên nhân sau:

*Nguyên nhân nhận thức*: trong quá trình xây dựng CNXH, trình độ dân trí của nhân dân còn nhiều hạn chế. Mặc dù khoa học đã phát triển mạnh, song, còn nhiều hiện tượng tự nhiên, xã hội diễn ra mà khoa học chưa giải thích được.

Do đó, con người còn tìm đến với ton giáo.

Nguyên nhân tâm lý: Tôn giáo tồn tại lâu đời và ăn sâu vào trong tiềm thức của nhiều người. Nó là một trong những hình thái ý thức xã hội mang tính bảo thủ nhất, in đậm trong đời sống tih thần của nhiều người, kể cả trong CNXH.

*Nguyên nhân chính trị - xã hội:*

Đạo đức, văn hóa của tôn giáo có nhiều điểm còn phù hợp với CNXH và đáp ứng nhu cầu tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân.

Dưới CNXH, tôn giáo có khả năng tự biến đổi để thích nghi theo xu hướng sống tốt đời, đẹp đạo, đồng hành cùng sự phát triển của dân tộc…

+ Do chính sách tôn giáo của nhà nước XHCN là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân.

Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vẫn còn tồn tại đấu tranh giai cấp với nhiều hình thức phức tạp, các thế lực chính trị vẫn lợi dụng tôn giáo để phục vụ cho mưu đồ chính trị của chúng. Mặt khác, các hiện tượng như chiến tranh cục bộ, xung đột sắc tộc…là điều kiện để tôn giáo phát triển., nên còn hiện tượng bóc lột, áp bức, bất công, bất bình đẳng xã hội…đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân chưa cao. Điều đó đã làm cho con người tìm đến tôn giáo.

*Nguyên nhân kinh tế*: Thời kỳ quá độ lên CNXH còn tồn tại nhiều loại hình sở hữu và nhiều thành phần kinh tế trên cơ sở chế độ sở hữu tư nhân.

Nguyên nhân văn hóa: Tôn giáo có khả năng đáp ứng ở một mức độ nhất định nhu cầu văn hóa, tinh thần và có ý nghĩa nhất định về giáo dục ý thức cộng đồng, đạo đức, lối sống… Do đó, bảo tồn và phát huy các giá trị đạo đức tôn giáo là cần thiết.

1. *Làm thế nào để phát huy mặt tích cực của tôn giáo trong quá trình xây dựng phát triển đất nước?*

Để phát huy mặt tích cực của tôn giáo trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, chúng ta cần thực hiện tốt các nguyên tắc cơ bản sau đây:

Khắc phục dần ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội gắn liền với công cuộc cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.

Tôn trọng, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân. Mọi công dân theo tôn giáo hay không theo tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, đều có nghĩa vụ và quyền lợi như nhau.

Thực hiện đoàn kết giữa những người theo với những người không theo tôn giáo nào, đoàn kết các tôn giáo hợp pháp, chân chính, đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ vì lí do tín ngưỡng, tôn giáo.

Cần phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo. Đây là việc cần thiết, bởi bản thân tôn giáo nào cũng gồm hai mặt này và phân biệt để tránh hai khuynh hướng hữu khuynh hoặc tả khuynh trong giải quyết vấn đề tôn giáo.

Phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo. Ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội không giống nhau. Vì vậy cần có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề có liên quan đến tôn giáo.

# **Câu 6. Nêu vị trí và vai trò của gia đình trong xã hội? Theo anh/chị: làm thế nào để xây dựng gia đình văn hóa mới hiện nay?**

Trả lời:

1. Khái niệm gia đình

Gia đình là sự liên kết của nhiều người dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, những người này có các quyền và nghĩa vụ với nhau, cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy thế hệ trẻ và chăm sóc người cao tuổi dưới sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

Gia đình như một tế bào tự nhiên, là đơn vị nhỏ nhất để tạo nên xã hội. Không có gia đình để tái tạo ra con người thì xã hội không tồn tại và phát triển được. Chính vì vật, muốn xã hội tốt thì phải xây dựng gia đình tốt.

+ Gia đình là cầu nối giữa cá nhân và xã hội. Mỗi cá nhân chỉ có thể sinh ra trong gia đình. Không thể có con người sinh ra từ bên ngoài gia đình. Gia đình là môi trường đầu tiên có ảnh hưởng rất quan trọng đến sự hình thành và phát triển tính cách của mỗi cá nhân. Và cũng chính trong gia đình, mỗi cá nhân sẽ học được cách cư xử với người xung quanh và xã hội.

+ Gia đình là tổ ấm mang lại các giá trị hạnh phúc. Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống của mỗi thành viên, mỗi công dân của xã hội. Chỉ trong gia đình, mới thể hiện mối quan hệ tình cảm thiêng liêng giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái. Gia đình là chỗ dựa tinh thần vững chắc trong cuộc sống, chốn về bình yên sau những vất vả gian lao, nơi luôn rộng mở khoan dung sau những sai lầm vấp ngã.

+ Gia đình là nơi nuôi dưỡng, chăm sóc những công dân tốt cho xã hội. Sự hạnh phúc gia đình là tiền đề để hình thành nên nhân cách tốt cho những công dân của xã hội. Vì vậy muốn xây dựng xã hội thì phải chú trọng xây dựng gia đình. Hồ chủ tịch nói: “Gia đình tốt thì xã hội tốt, nhiều gia đình tốt cộng lại thì làm cho xã hội tốt hơn”.

+ Gia đình là nguồn động viên, hỗ trợ về tinh thần để mỗi người nỗ lực hơn, mạnh mẽ và vững vàng hơn trong cuộc sống. Bài học :-Phê phán những người mải chạy theo tiền tài địa vị, đuổi theo những thứ phù du mà quên đi gia đình.

**\*Cần làm gì để xây dựng và vun đắp hạnh phúc gia đình?**

– Xây dựng gia đình là một trách nhiệm của mỗi con người, góp phần ổn định và phát triển của xã hội.

– Bằng tình yêu thương, làm cho gia đình trở nên hạnh phúc. Phải biết yêu thương trân trọng những người thân trong gia đình, có ý thức vun đắp gia đình hạnh phúc. Quan tâm đến cha mẹ là việc làm đầu tiên của người con có trách nhiệm với gia đình. Cha, mẹ là người sinh ra ta, nuôi ta lớn. Dù bận rộn, bộn bề công việc cũng cần có giây phút dành cho cha mẹ.

– Bằng sức lao động, làm cho gia đình sung túc, đầm ấm, yên vui. Phải đảm bảo nhu cầu vật chất cho gia đình, đảm bảo các điều kiện sống tốt và ngày càng tốt hơn.

– Bảo vệ các thành viên, bảo vệ danh dự của gia đình, không để người khác xúc phạm hoặc tự mình hủy hoại danh dự của gia đình.

– Ra sức gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc của gia đình.

# **Bài 1: Tư bản ứng trước để kinh doanh là 3,5 triệu USD, trong đó tư bản cố định là 2,5 triệu USD, tư bản khả biến là 200.000 USD. Tư bản cố định hao mòn trung bình trong 12,5 năm. Nguyên, vật liệu 2 tháng mua 1 lần. Tư bản khả biến quay 1 năm 10 vòng. Hãy xác định tốc độ chu chuyển trung bình của toàn bộ tư bản?**

Bài làm

K=3,5tr

C1=2,5tr/12,5 năm = 200k

V=200k quay vòng 1 năm 10 vòng

C2 2 tháng mua một lần (6 vòng)

\_\_\_\_\_\_

Tốc độ chu chuyển n?

Công thức tính n = 12 tháng/số vòng hoặc (TBCĐ/năm hao mòn + TBLĐ\* Số vòng)/tư bản ứng trước

Tư bản cố định bao gồm nhà xưởng máy móc (C1)

Tư bản lưu động bao gồm nguyên nhiên vật liệu và sức lao động (c2+ v)

Tư bản khả biến là sức lao động

Tư bản bất biến là công cụ và nguyên liệu

......................

Hao mòn máy móc trong 1 năm = 2,5tr/12,5 = 0,2tr

Nguyên liệu cần có cho 1 năm chu chuyển = 3,5tr K – (2,5tr C + 0,2tr V) = 0,8tr x 6 vòng = 4,8tr (C2)

Tư bản khả biến (sức lao động) cần có cho 1 năm chu chuyển

0,2tr x 10 = 2tr

Tổng tư bản chu chuyển: C1 + C2 + V = 0,2tr + 4,8tr + 2tr = 7tr

Tư bản tiêu dùng = tư bản lưu động \* số vòng + tư bản cố định/ số năm hào mòn

Vậy tốc độ chu chuyển trung bình (tư bản tiêu dùng / tư bản ứng trước (sử dụng) = 7/3,5 = 2 vòng/ năm.

(hoặc tính theo công thức n = CH/ch

Tốc độ chu chuyển = tổng tư bản ứng trước (sử dụng)/ tổng Tư bản chu chuyển trong 1 năm = 3,5/ 7tr = 0,5 vòng/năm

* n = 1 năm /0,5 = 2 vòng

# **Bài 2: Trong quá trình sản xuất sản phẩm, hao mòn thiết bị máy móc là 100.000 USD, chi phí nguyên, nhiên vật liệu là 300.000USD. Hãy xác định chi phí tư bản khả biến nếu biết rằng giá trị sản phẩm là 1.000.000 USD và trình độ bóc lột là 200%?**

Bài làm

Hao mòn máy móc = 100.000

Nguyên nhiên vật liệu = 300.000

W = 1.000.000

m'=200%

..........

V=?

Tư bản bất biến C là bộ phận tư bản bỏ ra mua nguyên nhiên vật liệu và máy móc => C = 100.000 + 300.000 = 400.000

Với lượng giá trị hàng hóa W = C+V+m = 1.000.000

=> Giá trị của tư bản khả biến và giá trị thặng dư là V+m = 1.000.000 – 400.000 = 600.000 (1)

Với tỷ suât giá trị thặng dư m’=200% => m=2v (2)

=> từ (1) và (2) => Giá trị thặng dư và tư bản khả biến lần lượt có giá trị là

m = 400.000 và v = 200.000

# **Bài 3: Một nhà tư bản đầu tư dệt vải như sau:**

**- Máy móc (dùng trong 10 năm): 1.000.000 USD**

**- Thuê 1 công nhân (1 tháng): 50 USD**

**- Bông dệt vải (1 tháng): 500 USD**

**- Các chi phí cố định khác (1 tháng): 100 USD**

**Giả sử nhà tư bản thuê 50 công nhân và tính toán để tỷ suất giá trị thặng dư là 200%. Tính lượng giá trị hàng hóa trong 1 năm và tổng lượng giá trị thặng dư mà nhà tư bản đó thu được trong 5 năm?**

Trong 1 năm, nhà tư bản đầu tư:

- máy móc: 1.000.000 : 10 = 100.000 usd

- thuê nhân công: 50.50.12 = 30.000 usd

- mua bông: 500.12 = 6000 usd

- chi phí cố định khác: 100.12 = 1200 usd

🡪 c = 100.000 + 6000 + 1200 = 107200 usd

v= 30.000 usd

m’ = 200%

* tính được m = 60.000 usd
* giá trị hàng hóa: W = c + v + m = 197200 usd
* tổng giá trị thặng dư tư bản thu được trong 5 năm là: 5 x 60.000 = 300.000 usd.

# **Bài 4: Toàn bộ tư bản ứng trước là 6.000.000 USD, trong đó giá trị nguyên vật liệu là 1.200.000 USD, nhiên liệu điện là 200.000 USD, tiền lương trả cho công nhân là 600.000 USD. Giá trị máy móc và thiết bị sản suất gấp 3 lần giá trị nhà xưởng và công trình. Thời gian hao mòn hoàn toàn của chúng là 10 năm và 25 năm. Hãy tính tổng số tiền khấu hao sau 8 năm.**

Tiền mua máy móc + thuê nhà xưởng = 6tr – 1,2tr – 0,2tr – 0,6tr =4tr

Do tỉ lệ là 3:1 nên:

- tiền mua máy móc = 3tr usd hao mòn hết trong 10 năm,

- tiền thuê nhà xưởng = 1tr usd hao mòn hết trong 25 năm.

Trong 8 năm:

- máy móc hao mòn hết 3/10 x 8 = 2,4 tr usd

- nhà xưởng = 1/15 x 8 = 0.32 tr usd

Tổng cộng hao mòn hết: 2,72 tr usd

# **Bài 5: Tư bản đầu tư 900. 000 đô la, trong đó bỏ vào tư liệu sản xuất là 780.000 USD. Số công nhân làm thuê là 400 người. Hãy xác định khối lượng giá trị mới do 1 công nhân tạo ra, biết rằng tỷ suất giá trị thặng dư là 200%.**

Tỷ suất giá trị thặng dư = 200% ⬄ m/v = 2 🡪 m = 2v

Tư bản khả biến = tư bản bỏ ra – tư bản bất biến = 900.000 – 780.000 = 120.000

* v= 120.000 🡪 m = 240.000
* Tổng giá trị mới do công nhân làm ra = M + V = 360.000 usd

400 người sản xuất ra 360.000 usd 🡪 1 người sản xuất ra 900 usd

# **Bài 6: Tư bản ứng trước 500.000 USD, trong đó bỏ vào nhà xưởng 200.000 USD; máy móc, thiết bị 100.000 USD. Nguyên liệu, nhiên liệu, và vật liệu phụ gấp 3 lần tiền thuê lao động. Hãy xác định lượng tư bản cố định, tư bản lưu động, tư bản bất biến và tư bản khả biến?**

- tư bản cố định: hao mòn máy móc, thiết bị (300.000 usd)

- tư bản lưu động: giá trị nguyên liệu + nhiên liệu + vật liệu + tiền lương (200.000 usd)

- tư bản bất biến: c (hao mòn + tiền mua nguyên vật liệu) (450.000 usd)

- tư bản khả biến: v (tiền lương) (50.000 usd).